

LUẬT DÂN SỰ

Nội dung

I- Một số vấn đề chung về Luật Dân sự

1- Định nghĩa

2- Đối tượng điều chỉnh

3- Phương pháp điều chỉnh

4- Nguồn của Luật Dân sự

II- Một số chế định cơ bản của Luật Dân sự

1. Định nghĩa

- + Là một ngành luật độc lập
- + Tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân trong giao lưu dân sự
- + Bình đẳng giữa các chủ thể tham gia.

2. Đối tượng điều chỉnh của LDS

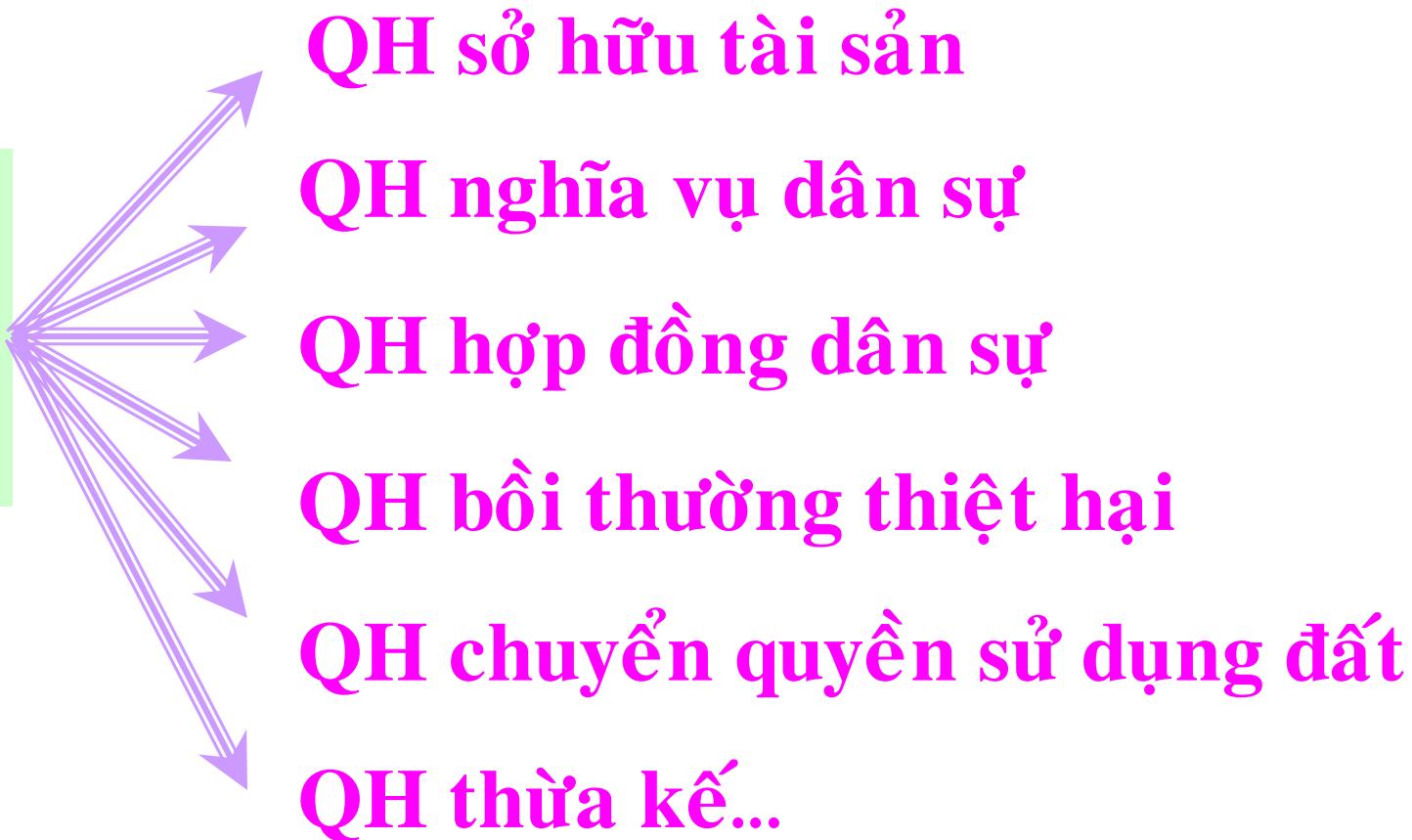
LDS điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân trong giao lưu dân sự.



a. Quan hệ tài sản:

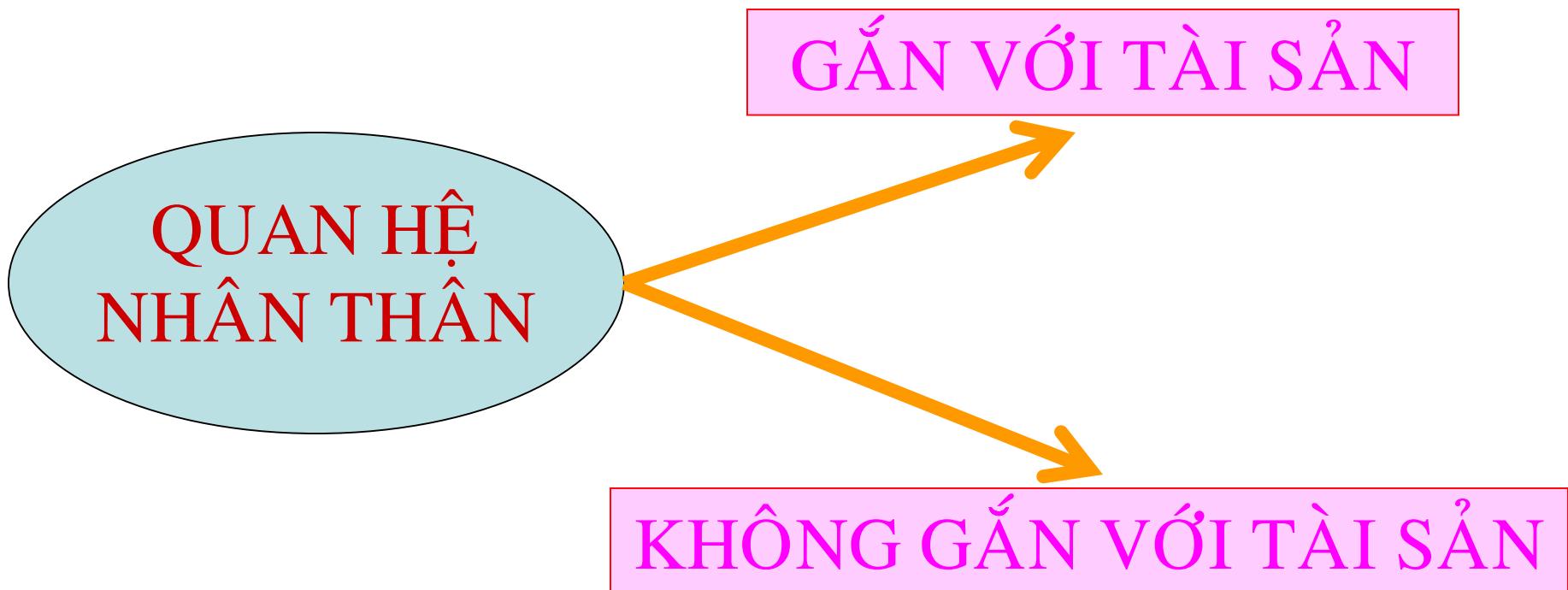
Là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản nhất định.

**QUAN
HỆ TÀI
SẢN**



b. Quan hệ nhân thân:

Là quan hệ giữa người với người về một giá trị nhân thân nhất định.



QUAN HỆ NHÂN THÂN

- – **Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản:** là các quan hệ nhân thân không mang lại cho chủ thể bất kỳ một lợi ích vật chất nào: danh dự, nhân phẩm, uy tín, tên họ...
- – **Quan hệ nhân thân gắn với tài sản:** là các quan hệ mang lại cho chủ thể những lợi ích vật chất nhất định: quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống, cây trồng vật nuôi

Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân

- Quan hệ tài sản luôn gắn với một tài sản nhất định hoặc chuyển dịch tài sản từ chủ thẻ này sang chủ thẻ khác (quan hệ sở hữu, quan hệ hợp đồng hay thừa kế tài sản...).
- Quan hệ nhân thân liên quan đến giá trị tinh thần của chủ thẻ và về nguyên tắc không thể dịch chuyển cho chủ thẻ khác (quyền đứng tên tác giả các tác phẩm văn học, khoa học, tác phẩm nghệ thuật, quyền đối với danh dự, nhân phẩm, uy tín...).

Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân

=> Nếu vi phạm các nghĩa vụ về tài sản sẽ áp dụng các chế tài mang tính chất tài sản, ngược lại, nếu vi phạm các quan hệ về nhân thân sẽ áp dụng các biện pháp khác nhằm hồi phục lại tình trạng ban đầu (công nhận quyền tác giả, công khai xin lỗi, cải chính...).

3.Phương pháp điều chỉnh của LDS

**Phương pháp điều chỉnh đặc trưng
của LDS là tự định đoạt, thỏa thuận.**



4.Chủ thể của LDS

+ Cá nhân

+ Pháp nhân

+ Hộ gia đình

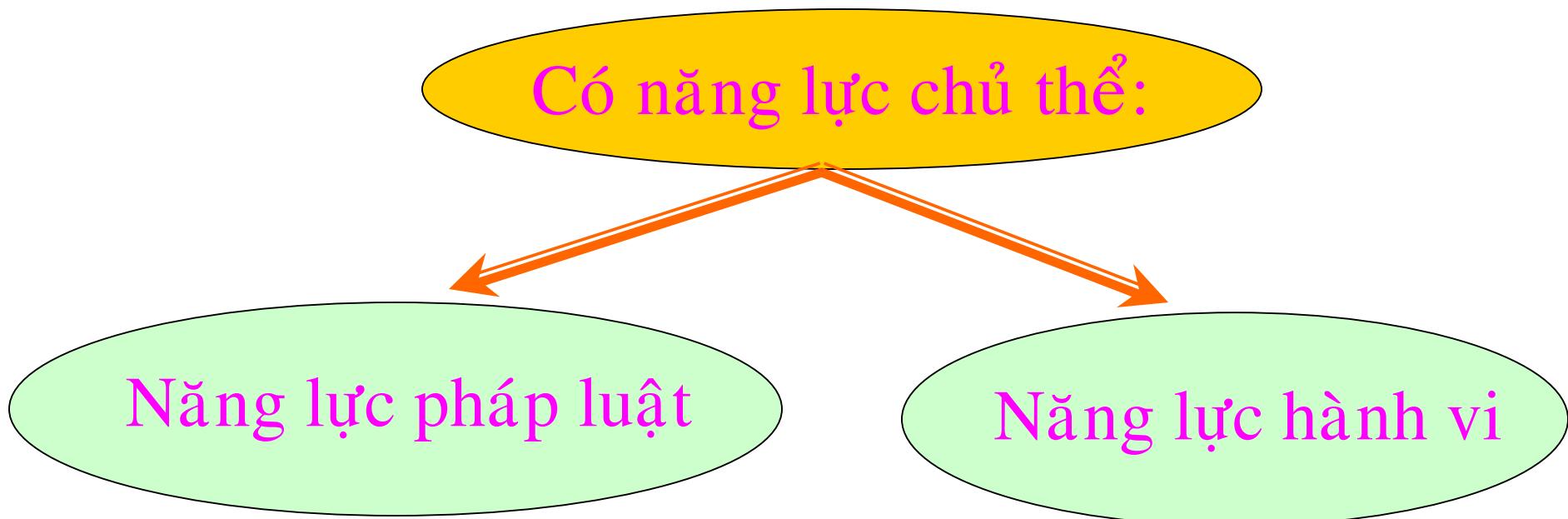
+ Tổ hợp tác

+ Nhà nước (đặc biệt)

CÁ NHÂN:

Là chủ thể thường xuyên và phổ biến nhất

Điều kiện để cá nhân trở thành chủ thể của LDS:



- Cá nhân từ đủ 6 tuổi trở lên thì bắt đầu có năng lực hành vi dân sự
- Cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên thì có năng lực hành vi dân sự đầy đủ

NĂNG LỰC HÀNH VI DÂN SỰ CỦA CÁ NHÂN

ĐẦY
ĐỦ

MỘT
PHẦN

HẠN
CHẾ

KHÔNG
CÓ

MẤT

Khó khăn trong nhận thức

CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LDS:

- 1) Giao dịch dân sự
- 2) Tài sản và quyền sở hữu
- 3) Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự
- 4) Thừa kế
- 5) Chuyển quyền sử dụng đất
- 6) Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ
- 7) Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

Tài sản và quyền sở hữu

- Tài sản:
 - Vật
 - Tiền
 - Giấy tờ trị giá được bằng tiền
 - Các quyền tài sản
- Quyền sở hữu:
 - Chủ thẻ
 - Khách thẻ
 - Nội dung:
 - Chiếm hữu
 - Sử dụng
 - Định đoạt

Tài sản và quyền sở hữu

- Căn cứ xác lập quyền sở hữu?

- Theo Hợp đồng hoặc giao dịch một bên
- Theo quy định của pháp luật
- Theo những căn cứ riêng biệt

- Chấm dứt quyền sở hữu?

- Theo ý chí chủ sở hữu
- Theo quy định của pháp luật

- Bảo vệ quyền sở hữu?

- Kiện vật quyền
- Kiện trái quyền
- Kiện yêu cầu ngăn chặn hoặc chấm dứt hành vi cản trở trái PL việc thực hiện QSH hợp pháp

Thùa kế

- 1, Di sản thừa kế
- 2, Người để lại di sản và người thừa kế
- 3, Thời điểm mở thừa kế
- 4, Thùa kế theo pháp luật

Những trường hợp TK theo PL

Diện và hàng thừa kế

Cách chia

Thùa kế thông thường

Thùa kế thế vị

- 5, Thùa kế theo di chúc:

Cách chia thông thường

Trường hợp đặc biệt: Kỷ phần bắt buộc

Thùa kế

- **Thùa kế** là sự chuyển dịch tài sản của người chết cho những người còn sống theo di chúc hoặc theo pháp luật
- **Người để lại thừa kế:** là cá nhân sau khi chết có tài sản để lại cho người khác thừa kế theo di chúc hoặc thừa kế theo pháp luật
- **Người thừa kế:**
 - + Thùa kế theo pháp luật là cá nhân có mối quan hệ thân thích với người chết
 - + **Thùa kế theo di chúc:** cá nhân, pháp nhân

Hàng thừa kế

- *Hàng thừa kế thứ nhất* gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;
- *Hàng thừa kế thứ hai* gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;
- *Hàng thừa kế thứ ba* gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

Thùa kế theo pháp luật

- *Thùa kế theo pháp luật là thùa kế theo hàng thừa kế, những người có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân và quan hệ nuôi dưỡng*

Nguyên tắc chia thừa kế:

Thứ nhất, tài sản thừa kế được chia hết cho những người trong 1 hàng thừa kế, với phần di sản bằng nhau (chia đều)

Thứ hai, những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản

Thùa kế thế vị

=> Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì chắt được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của chắt được hưởng nếu còn sống.

- Như vậy, thừa kế thế vị là việc các con (cháu, chắt) được thay vào vị trí của bố hoặc mẹ (ông hoặc bà) để hưởng di sản của ông, bà (hoặc cụ) trong trường hợp bố hoặc mẹ (ông hoặc bà) chết trước hoặc chết cùng ông, bà (hoặc cụ).

A chết 2025 bệnh (ông nội) => B chết 2021 vì covid (Con) => C (Cháu)

- => C sẽ thế vị trí của B để nhận phần di sản mà A để lại

Giả sử, C chết do tai nạn năm 2024 nhưng C có con D

⇒ D thế vị trí của C nên tức là thế vị trí B để nhận phần di sản mà A để lại

⇒ Thùa kế thế vị chỉ xuất hiện khi có thừa kế theo pháp luật

Ví dụ Thùa kế thế vị

Trường hợp 1: ông A có 2 con ông B và ông C

- Ông A chết 2020; ông C chết 2019 (có 1 con chị D)
=>chị D thừa kế vị của ông C

Trường hợp 2: ông A có 2 con ông B và ông C

- Ông A chết 2021; ông C chết 2019 (có 1 con chị D)
=>chị D thừa kế vị của ông C (chị D chết 2020) và
chị D có 1 người con là E
→E là thừa kế thế vị của chị D

Do đó, Ông A chết 2021 thì theo pháp luật ông B và
E sẽ hưởng phần di sản của ông A.

Ví dụ

- A có 2 con B và C (tài sản 100 triệu)
- A chết 2020; C chết 2019 (có 1 con D)

=>D thừa th^ế vị của C

A chết=> chia theo pháp luật: B được 50tr
và D được 50tr (th^ế vị)

- C chết 2021 (có 1 con D)

=>B và C mỗi người 50tr

Di chúc

Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết

Điều kiện di chúc có hiệu lực

- Người lập di chúc phải có năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định của pháp luật
- Nội dung di chúc không quy định điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội
- Người lập di chúc hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, sáng suốt
- Hình thức di chúc phù hợp với quy định pháp luật

Trường hợp không phụ thuộc di chúc

Một là, Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;

Hai là, Con thành niên mà không có khả năng lao động.

=> *Hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất (2/3) của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật.*

=> Quan hệ thừa kế dựa trên Quan hệ huyết thống, nuôi dưỡng và hôn nhân

=> Thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc chỉ xuất hiện khi có thừa kế theo di chúc

Ví dụ

A có 2 con B và C (tài sản 100 triệu)

A để lại di chúc cho B hưởng toàn bộ tài sản
=>A chết toàn bộ tài sản thuộc B nhưng nếu
C bị tâm thần (hoặc chưa đủ 18 tuổi) thì
theo quy định pl C sẽ hưởng 2/3 của **1 suất**
tài sản thừa kế theo pl

**1 suất tài sản= $100\text{tr}/2=50\text{tr}$ =>C hưởng là
 $2/3*50\text{tr}=33\text{tr}$ =>B hưởng $100-33= 67\text{tr}$**

- A có 2 con B và C (tài sản 100 triệu)
- A để lại di chúc cho B hưởng **50Tr**

Tài sản còn lại chia theo pháp luật= 100tr-50tr (di chúc)= 50tr=> B và C được hưởng $50/2 = 25$ tr=> C hưởng 25tr và B hưởng 25tr

Vậy

C = 25tr (pháp luật)

B = 25tr (pháp luật) + 50tr (di chúc)

Câu hỏi

1. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản?
2. Người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ thỏa thuận khác?
3. Di chúc được chứng nhận hoặc chứng thực tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có giá trị pháp lý cao hơn các hình thức di chúc khác?
4. Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, chứng thực di chúc thực chất là xác nhận chữ ký của người lập di chúc?
5. Người được thừa kế theo di chúc thì không được thừa kế theo pháp luật?
6. Vợ, chồng đã kết hôn với người khác thì không được thừa kế di sản của vợ (chồng) đã chết trước.
7. Nghĩa vụ của người thừa kế giống nghĩa vụ của người được di tặng?

TỐ TỤNG DÂN SỰ

PL về TTDS là tập hợp những quy định PL về những nguyên tắc cơ bản trong TTDS; trình tự, thủ tục khởi kiện yêu cầu TA giải quyết các vụ việc dân sự; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại TA; thi hành án dân sự;.... (bao gồm các loại vụ việc trong DS, TM,LĐ, HNGĐ....).

Chủ thể của tố tụng dân sự, gồm:

Người tiến hành tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng gồm có: tòa án nhân dân; viện kiểm sát nhân dân. Những người tiến hành tố tụng gồm có: chánh án tòa án, thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký tòa án; viện trưởng viện kiểm sát, kiểm sát viên.

Người tham gia tố tụng: bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Những nguyên tắc của tố tụng dân sự:

- ❧ - Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng dân sự
- ❧ - Quyền yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.
- ❧ - Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự
- ❧ - Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự
- ❧ - Trách nhiệm cung cấp chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền
- ❧ - Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự.
- ❧ - Bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự
- ❧ - Hoà giải trong tố tụng dân sự
- ❧ - Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử vụ án dân sự.
- ❧ - Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.
- ❧ - Trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng dân

- ❧ - Tòa án xét xử tập thể vụ án dân sự và quyết định theo đa số.
- ❧ - Xét xử công khai.
- ❧ - Bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành hoặc tham gia tố tụng dân sự.
- ❧ - Tòa án thực hiện chế độ hai cấp xét xử,
- ❧ - Giám đốc việc xét xử.
- ❧ - Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án.
- ❧ - Tiếng nói và chữ viết dùng trong tố tụng dân sự là tiếng Việt.
- ❧ - Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự.
- ❧ - Trách nhiệm chuyển giao tài liệu, giấy tờ của Tòa án.
- ❧ - Việc tham gia tố tụng dân sự của cá nhân, cơ quan, tổ chức
- ❧ - Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng dân sự

Câu hỏi

1. Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản?
2. Người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ thỏa thuận khác?
3. Người được thừa kế theo di chúc thì không được thừa kế theo pháp luật?
4. Vợ, chồng đã kết hôn với người khác thì không được thừa kế di sản của vợ (chồng) đã chết trước.
5. Nghĩa vụ của người thừa kế giống nghĩa vụ của người được di tặng?

Ông A và bà B kết hôn năm 1993 và sinh được 3 người con là C sinh năm 1994, D sinh năm 1999 và E sinh năm 2001 Bà B có một người con nuôi tên là M sinh năm 2010. Năm 2019 bà B bị bệnh, tháng 2 năm 2020 Bà B chết, biết rằng tài sản chung của A và B là 2 tỷ đồng,

=> Hãy phân chia di sản thừa kế trong các trường hợp sau:

1. Bà B không để lại di chúc.?
2. Trường hợp bà B để lại 40% di sản cho D (di chúc)?
3. Giả sử, C chết năm 2018 có con là F và L. Biết Bà B không để lại di chúc.?

⇒ Tóm tắt

1. B để lại di sản là 2 tỷ/ 2= 1 tỷ

⇒ Chia theo pháp luật . Ai hưởng di sản B: A, C,D, E, M= 1 tỷ/ 5= 200tr

2. D hưởng di chúc $40\% * 1 \text{ tỷ} = 400 \text{ tr}$ => **Coi xem có trường hợp k phụ thuộc vào nội dung di chúc k? M phải hưởng $2/3$ 1 suất theo pháp luật= $200\text{tr} * 2/3 = 133\text{tr}$**

=> Phần di sản sau khi chia theo di chúc, có trừ M không phụ thuộc nội dung di chúc= $600\text{tr} - 133\text{tr} = 467\text{tr}$

Ai hưởng di sản B: A, C, E, D= $467 \text{ tr} / 4 = 113 \text{ tr}$

Tổng D= $400\text{tr} + 113\text{tr}$

M= 133tr

C,E,A= 113tr

3. B để lại di sản là 2 tỷ/ 2= 1 tỷ

⇒ Chia theo pháp luật . Ai hưởng di sản B: A, (C=F và L), D, E, M= 1 tỷ/5= 200tr

⇒ C=F và L = 200 tr => F=L= $200\text{tr} / 2 = 100\text{tr}$